

XUÂN SÁCH

PHÍA NÚI
BÊN KIA

Bìa và minh họa:
TÔ CHIÊM

Nguyễn Ngọc Văn
Lớp: 10.

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG
HÀ NỘI - 1977



Phiên úi

PHẦN THỨ NHẤT

TÔI RA ĐỜI

Khi có điều gì không bằng lòng về tôi, mẹ tôi thường nói:

— Tao nuôi mày ba sống một chết, qua năm lần bảy bận khổn đốn gian nan.

Tôi sinh năm con hổ. Nhưng tôi ra đời lại như một con mèo ốm. Bà mẹ cắt rốn tôi bằng cái lưỡi hái, tắm tôi trong cái bầu dãi bằng mo cau. Bà trao cái thằng bé dãn dùm đỏ hồng cho mẹ tôi: « Trời cho chị một thằng cu, nhưng chị sẽ vất vả vì nó. »

Tôi khóc, khóc ngày này qua đêm khác. Đầy cũ, đầy tháng, đầy năm tôi vẫn khóc. Bú được chút sữa mẹ nào, tôi đều biến thành nước mắt. Khó nói hết nỗi vất vả cực nhọc của mẹ tôi. Sau này khi lớn lên, nhìn những nếp nhăn trên mặt mẹ, vẻ gầy guộc dầu dãi của mẹ, lời vẫn nghĩ đó là dấu vết những năm tháng mẹ nuôi tôi, những năm tháng mà « nước mắt mẹ dài hơn nước mắt con ».

Tôi sống quặt quẹo cho đến năm lên ba thì bị giáng một trận ốm kịch liệt. Một buổi chiều tháng mười âm đậm, bệnh tôi đã hết phương cứu chữa. Mẹ bế tôi từ trong buồng ra đặt trên cái chõng kê cửa sổ. Tôi thoi khóc, mắt lơ đờ và mồm ngáp như cá đớp mồi khan,



Me bế tôi từ trong bụng ra.

bụng chướng lên như cái trống. Chị Lua năm ấy lên sáu, thấy tôi há mồm liền cầm củ khoai chấm vào:

— Em ơi dậy chị cho ăn khoai.

Mẹ tôi ngồi canh chừng ủ rữ. Bố tôi lặng lẽ sắp sẵn một manh chiếu, ba cái lát tre, cái thùng cái cốc đựng dầu mè cùng với một bó đuốc. Chờ tôi tắt thở là bố mượn người đưa tôi đi. Trên lớp da bụng căng như mặt trống, ông bác tôi viết vào một chữ « Sát », chữ nho có nghĩa là giết. Làm vậy là khi tôi chết rồi biến thành ma thì cũng tìm đường cuốn xéo đừng quay lộn về đầu thai vào gia đình làm khổ cha mẹ nữa. Vào thời ấy ở một làng quê hẻo lánh, chuyện thuốc thang thật khó khăn. Bố mẹ tôi đã bán một sào ruộng hiểm hoi của mình để cứu tôi, nhưng lúc này thì coi như tôi sắp vỡ nợ cha mẹ.

Vào đúng lúc ấy, trời nhá nhem tối, có một người lạ vào nhà tôi. Ông khách kỳ dị mặc bộ quần áo nâu cũ, vai khoác cái bị cói, đầu đội cái nón rách úp sụp xuống mặt. Trông chẳng khác gì một người ăn mày, thuở ấy ăn mày không thiếu. Ông khách vào ngõ là đi sục luôn vào nhà. Bố tôi sững sốt, nhưng khi chủ khách nhận ra nhau thì lập tức khép kín cửa lại.

Ông khách thăm tôi rồi nói vội:

— Cho tôi cái bát và ít nước.

Ông moi trong người ra một khúc gỗ đen bóng bằng đầu ngón tay cái, rồi mài vào bát nước vối. Bố tôi lấy đũa cả ngang mồm tôi cho ông khách đỡ bát nước ấy vào. Ông khách lấy tay xoa nhẹ bụng tôi. Cái bàn tay màu nhiệm của ông khách bí ẩn đã làm cho cái bụng căng cứng của tôi bỗng chốc mềm ra và sôi lên ùng ục như biển động. Rồi tất cả những thứ gì chứa trong cái bụng ấy được tống ra ngoài làm nòng nặc cả ba gian nhà.

Cái thằng tôi do quá thiết tha với cuộc đời đã cự mình, mở mắt và cất tiếng khóc. Có lẽ đó là tiếng khóc

mà bỏ mẹ tôi nghe một cách sung sướng kể từ sau tiếng khóc chào đời của tôi. Chị Lua nủ tay mẹ tôi:

— Không chôn em nữa chứ mẹ?

Mẹ tôi mắng chị qua nước mắt:

— Mà chỉ đại mồm đại miệng.

Chị vui lên, em sẽ sống và ăn khoai với chị.

Bố tôi bê nồi cơm nguội và một đĩa thức ăn xoàng xĩnh bày mâm mời ông khách ăn. Ông vừa bỏ nón để lộ cái đầu trọc, ngồi lên giường bê bát cơm thì nghe ở phía nhà lý trưởng có hồi trống thúc gọi tuần đinh một cách hối hả. Ông khách đặt bát cơm xuống nhìn bố tôi. Bố tôi nói khẽ:

— Để lắng xem thế nào đã anh.

Ông khách ngần ngừ một lát rồi vờ vợi cái nón:

— Tôi phải đi.

Bố tôi lo lắng vặn nhỏ ngọn đèn. Ông khách đeo bị, đưa cho bố tôi cục gỗ mài cho tôi uống ban nãy:

— Anh cầm lấy. Đây là miếng kỳ, vị thuốc quý của gia đình tôi còn lại, anh giữ lấy mà dùng cho cháu.

Mẹ tôi xúc động:

— Ơn anh đã cứu cháu.

— Tôi chịu ơn anh chị nhiều, dịp khác tôi lại về.

Bố tôi còn kịp đổ ít cơm nguội vào trong bị và đưa ông khách ra cửa sau. Trước khi từ giã, ông nói:

— Đạo này bọn chó đánh hơi góm lắm, anh phải cẩn thận.

Bố tôi mở rào cho ông khách đi ra, xóa vết chân rồi quay vào nhà, chưa kịp nói gì thì lý trưởng đến.

— Chào cụ lý. — Bố tôi lễ phép mời lão ngồi.

— Nhà có chuyện gì đấy? — Lý trưởng vừa hỏi vừa đảo mắt nhìn khắp nhà. Biết ông khách đã đi thoát, bố tôi bình tĩnh.

— Dạ thưa cụ, nhà có thằng cháu ươn người, đã tưởng là không qua được, nhưng may mà bệnh cháu đã chuyển.

— Thuốc gì mà chuyển?

Mẹ tôi đã bung lên một đĩa trầu, đỡ lời:

— Thưa cụ, cùng quá cũng vợ nhặng vợ quàng mở rễ mở lá, may nhờ phúc cụ lý nó lại hợp với bệnh cháu.

— Tôi làm gì mà phúc với đức. — Lão lý vẫn chân ngồi chân đứng, tai ngóng ra ngoài ngõ, lão vợ miếng trầu nhai rồi nói lúng búng:

— Đêm hôm tôi cũng đi dạo một vòng, thấy nhà có việc tôi ghé vào, thôi tôi về.

Bố tôi tiễn lý trưởng ra ngõ. Lão nói nhỏ:

— Anh phải biết rằng nếu tôi không đánh hồi trống gọi tuần đinh thì sự việc đã khác. Tại sao tôi lại đánh trống, anh hiểu chứ?

— Đội ơn cụ.

— Ôn huệ gì. Liệu đấy, đầu anh không giữ được đã đành, mà tôi rồi cũng không còn chỗ đội nón vì anh đấy. Quá lắm thì tôi không thể dung được đâu.

— Dạ.

— Đạo này có tưng bán lắm không?

— Sống ra sao mà cụ chẳng biết, cũng cố chèo chống cho qua.

— Nay, Nhật vào Đông Dương rồi anh biết không?

— Dạ.

— Làng trên đã có truyền đơn của Việt Minh rồi đấy, bao giờ thì đến lượt làng này?

— Dạ.

— Ối giờ ơi! — Lão lý phát cáu — Anh cứ vờ vờ vệt vệt. Thời buổi rối như mở bòng bong, chẳng biết đâu mà lần.

— Cụ lại nhà.



Tôi đến nằm ở gốc rơm...

Sau trận ốm ấy, tôi thay đổi hẳn. Tôi khỏe lên và ăn trả bữa. Bây giờ thì bố mẹ lại vất vả lo cho tôi ăn. Tôi ăn không biết no, biết chán. Lúc nào cũng ăn được, lúc nào cũng quấy khóc đòi ăn. Lên năm, lên sáu vẫn thế. Ăn ở nhà, rồi mò đi ăn chực hàng xóm. Ăn chực một bát lại đòi hai. Trẻ con trong xóm cho em ăn thường dọa: « Mày không ăn, thằng Đen đến nó ăn hết bây giờ ».

Thằng Đen chính là tôi. Tên tôi là Hòe kia, nhưng vì tôi đen nên người ta gọi như thế. Sau này người ta vẫn gọi tôi là thằng Hòe đen. Bố tôi đi làm thuê, hôm nào làm ở trong làng mà tôi biết, tôi cũng mò đến. Mùa gặt, tối về bố tôi trực lúa cho nhà chủ, tôi đến nằm ở gốc rơm đánh một giấc, và lạ lùng thay khi làm lúa xong, thợ gặt dọn mâm bát ăn cơm là tôi vùng dậy ngay, tỉnh như sáo mon men kiếm một bát cơm. Một lần ăn xong, hai bố con về nhà, tôi nói líu ríu, bố tôi giận:

— Lần sau tao cấm mày đi.

— Sao thế bố?

— Sao nữa, lần sau mày theo đi tao đập chết. — Rồi bất ngờ bố tôi thở dài dịu giọng — miếng ăn nhục nhã lắm con ơi!

BỐ TÔI RA ĐI

Làng tôi ở giữa cánh đồng chiêm. Con sông từ trên nguồn chảy xuống đến gần làng thì phân làm nhiều nhánh để chảy ra biển. Làng tôi nằm giữa vòng vây của các nhánh sông ấy và cách biển không bao xa. Những đêm động trời; tiếng sóng biển vọng vào giấc ngủ chập chờn của tôi âm ì như tiếng xay lúa. Mùa nước dâng, biển mặn theo sông tràn vào đồng bãi đầy cây sù, vẹt và cỏ năn cỏ lác. Xưa kia nơi đây là một

bãi hoang. Một ngày nào đó, dòng người lang thang đi tìm đất mới từ ngoài bắc vào, từ miền trong ra đứng lại ở miền ven biển xứ Thanh này quai đê ngăn nước mặn và lập nên làng. Tập tục khác nhau, giọng nói khác nhau, những người dân từ chiếng ấy cùng đổ mồ hôi, chung lửa chung đèn, lập nên làng đặt cái tên giản dị là làng Mới.

Tôi không hiểu sao giữa cánh đồng gần biển ấy lại nhô lên một ngọn núi lẻ loi ở trước làng. Ngọn núi với cái dáng ngồi chồm chồm như con cóc nên mọi người gọi là núi Cóc.

Ngọn núi ấy đối với lũ trẻ chúng tôi đầy bí mật và hấp dẫn. Chiều chiều khi nắng chỉ còn đọng một mảng hoe vàng loang lổ trên chỏm núi, tôi đứng ở ngõ nhìn ra, lòng đầy hồi hộp nghĩ tới một ngày nào đó mình leo qua ngọn núi sang phía bên kia. Chị tôi nói bên kia núi là chân trời. Chân trời ư? Ông trời khổng lồ kia có cái chân như thế nào đứng bên kia núi. Tôi vẫn theo dõi một cách âm thầm hồi hộp như thế. Một hôm tôi nhìn thấy một người đi từ phía núi Cóc đến làng tôi. Tự nhiên tôi nảy ra một ý nghĩ là người kia vừa ở bên kia núi đi sang. Nhà tôi trông thẳng ra cánh đồng, trước nhà là con đường đất dẫn thẳng ra chân núi. Nên tôi có thể nhìn thấy người kia từ lúc còn là cái bóng bé xíu cho đến khi thành một người đàn bà quảy quang gánh đứng trước mặt tôi, người đàn bà mỉm cười nhìn tôi hỏi:

— Em bé ơi, đây có phải nhà ông Chung không?

Tôi sung sướng ấp úng:

— Vâng, bố em là ông Chung.

Bây giờ tôi mới để ý chị gánh nồi đi đồi. Chị đưa tôi một ông thỏi kèn bằng bột nặn rang phồng lên nhuộm màu hồng. Tôi rất thích ông thỏi kèn ấy, chơi chán thì bỏ vào mồm nhai, thè cái lưỡi dính đầy bột đỏ hoe.

— **Bố có nhà chứ?**

Tôi chạy tọt vào nhà gọi bố. Bố tôi đang ở trong buồng. Lâu nay tôi để ý thấy bố vẫn hay làm gì lúi húi trong buồng một mình. Do tò mò, khi bố đi vắng, tôi vào buồng lục lọi nhưng chẳng có gì lạ, ngoài cái chum nhỏ đựng khoai khô mà tôi vẫn thường bốc ăn vụng. Khi tôi gọi, bố từ trong buồng bước ra thì chị hàng nồi đã đặt gánh ở sân. Chị chống đòn gánh nhìn bố tôi rồi hỏi:

— Nhà bác có nồi đồng bán không?

Bố tôi trả lời:

— Không, nhà tôi chỉ có nồi đất.

— Cho tôi xem cái nồi đất nhà bác được không?

Bố tôi gạt đầu rồi mời chị hàng nồi vào nhà. Tôi theo vào, nhưng bố tôi nghiêm nét mặt:

— Con ra ngoài kia chơi.

Một lát sau chị hàng nồi đi ra, quảy gánh lên vai. Chưa đến ngõ, chị đã cất tiếng rao như hát:

— « Ai có xanh hồng, nồi hồng đời không? »

Tôi chạy vào hỏi bố:

— Sao bố không mua cái nồi to?

Bố tôi có vẻ lo lắng:

— Bố không có tiền.

Tôi khoe:

— Chị ấy cho con ông thối kèn bố ạ.

Nhưng bố tôi không vui. Chiều hôm ấy, mẹ tôi đi làm đồng về muộn. Cơm nấu xong rồi nhưng phải đợi. Giá hôm khác tôi đã đòi ăn, nhưng bữa nay thấy bố nghiêm, tôi im thít. Chị Lua nói:

— Hôm nay trời đi vắng hay sao mà thẳng cu không đòi ăn.

Nghe chị tôi nói, bố tôi lấy bát xới cho tôi một bát cơm đầy và một thìa muối tôm rang, bố nói dịu dàng:

— Con ăn đi.

Chị Lua phát ghen :

— Hôm nay bố chiều con trai thế.

Tôi vênh mặt :

— Tại em ngoan, chị có ăn em sẻ cho.

— Ai trẻ con như mày, tao đợi mẹ.

Chập tối, mẹ tôi mới về. Vào bữa ăn, mẹ tôi ngập ngừng hỏi bố :

— Bố nó làm sao vậy ?

— Có sao đâu. — Bố tôi liếc mắt ra hiệu rồi xới cho tôi một bát cơm đầy nữa. Ăn xong, bố nói :

— Hôm nay hai chị em đi ngủ sớm nhé.

Tôi ngoan ngoãn lên giường. Tôi có một cái tật là khi đi nằm cứ phải bật cái dái tai của bố cho đến lúc ngủ. Nhưng đêm ấy không hiểu sao, tôi lại bỏ cái tật ấy. Có một linh tính nào đó mà tôi không giải thích được. Tôi không ngủ, nằm im lặng chờ đợi một điều gì khác thường.

Tưởng tôi đã ngủ, bố vặn nhỏ ngọn đèn rồi nói với mẹ tôi :

— Tôi phải đi.

Trước đây thỉnh thoảng bố tôi vẫn đi làm thuê cả tháng, nhưng hôm nay có gì khác. Mẹ tôi im lặng nhai trầu. Bố tôi lại tiếp :

— Tôi đi do đoàn thể yêu cầu, chưa biết bao giờ về.

Mẹ tôi nhờ quét trầu rồi thở dài :

— Nhà đã sửa soạn gì chưa ?

— Có gì đâu, tôi đã gói ghém xong cả rồi. Tôi lo cho mẹ con ở nhà.

— Người ta sống được, mẹ con tôi cũng vậy. Bố nó nhận được tin bác Thủy chứ ?

— Có, chiều nay có người mang tin đến.

Tôi chợt nghĩ đến chị hàng nôi. Bác Thủy là ai ? Tôi giống tai nghe.

Bố tôi lại tiếp :

— Tình thế này cũng không lâu nữa đâu. Vận nước mà đến thì ta được đổi đời. Thành công rồi tôi sẽ về.

— Bố nó yên tâm mà đi. Đừng lo cho mẹ con tôi nhiều.

— Đành thế, nhưng chẳng khi nào tôi quên được mình và các con. Nay mới tháng giêng mà tình thế đã khó khăn. Nghe nói mạn ngoài đã lác đác có người chết đói. Làm sao qua được cái tháng ba này. Thóc lúa chúng nó thu hết, cốt cho dân mình chết đói. Phải làm gấp thôi. Đoàn thể có lẽ thấy tôi ở đây đã lộ nên điều đi. Các đồng chí ấy cũng tính toán chu đáo cho mình. Tôi đi rồi, chúng nó sẽ đến làm phiền đấy.

— Bố nó đừng ngại, dễ gì chúng nó bắt nạt được. À, nhà còn con gà sao buổi chiều bố nó không làm thịt ăn một miếng với các con.

— Để ở nhà cho các con nó ăn. Cứ nuôi sẵn con lợn, khi tôi về ăn mừng luôn thế.

Có tiếng chó sủa ngoài đầu xóm. Bố mẹ tôi đứng dậy. Tôi lật sấp người ngược đầu lên nhìn. Bố tôi nói thì thầm tôi không nghe rõ nữa, chỉ thấy cái lưng to rộng hơi rung rung che khuất mẹ tôi. Tôi cố lắng tai nghe.

— Mẹ nó đừng khóc làm các con tỉnh giấc.

— Ngày mai chúng nó hỏi bố đâu, mình biết trả lời làm sao.

Bố đi, bố đi, cái ý nghĩ ấy khiến tôi sợ hãi. Tôi vùng ngay dậy và hét to :

— Bố đừng đi!

Chị Lua choàng dậy giật mình ngơ ngác :

— Cái gì thế ?

Bố tôi chạy vụt lại bế xốc lấy tôi. Tôi vẫn khóc :

— Bố đừng đi, con không cho bố đi.

Bố tôi lưỡng cuống :

— Con nín ngay, bố xin con, con đừng kêu lên như thế.

Mẹ tôi đỡ tôi đứng xuống.

-- Đừng hét, người ta vào bắt bố bây giờ.

— Các con ở nhà với mẹ. — Bố xoa đầu tôi và cúi thấp xuống — Bố chỉ đi ít lâu rồi lại về.

Chị Lua chêm vào:

— Rồi bố sẽ mua nhiều quà cho em.

Tôi nói:

— Lần này bố đi mất.

— Ai bảo con thế? — Mẹ tôi đưa tay bịt miệng tôi lại.

Tôi tặc tặc:

— Con nghe rồi, lần này bố đi mất.

Bố tôi đứng xuôi tay lặng lẽ. Tôi nín bật và quay lại nắm tay bố.

— Lua nữa, lại đây! — Bố tôi kéo chị Lua đứng một bên — Các con có nghe lời bố không?

— Có ạ. — Tôi run run trả lời.

Giọng bố trở nên nghiêm nghị:

— Các con ở nhà với mẹ. Bố đi làm việc của bố chính là vì tương lai của các con. Ở nhà có ai hỏi đến bố thì các con nói bố đi làm mướn xa. — Bố nhìn mẹ tôi rồi nói tiếp — Mẹ nó xem này, chúng nó lớn cả rồi đấy. Thăng Hòe là con trai, đứng thẳng xem nào. Thế, con trai phải gan dạ. Bám lấy bố mà khóc thì xấu hổ. Mẹ nó nhìn con mà xem, thằng con trai nhà mình ra dáng lắm.

Tôi định lấy tay chùi nước mắt nhưng ngưng lại đứng im. Mẹ tôi thì thảo:

— Rồi bố nào con ấy.

Bố tôi nói:

— Thôi bây giờ bố đi. Cả nhà tiễn bố, bố vui rồi. Ngày bố trở về sẽ vui hơn.

Bố tôi cúi xuống ôm ghì lấy chúng tôi:

— Các con lên giường ngủ đi.

Chúng tôi đứng lặng nhìn hai người đi ra sau nhà.
Tôi nói với chị Lua:

— Đố chị biết bố đi đâu?

Chị Lua bfu môi:

— Để mày biết!

— Em biết.

— Nói đi.

— Chị mất gì.

— Một ông thời kèn.

— Nhớ nhé! Bố đi đoàn thể...

— Thế mà cũng đòi biết. — Chị tôi thì thảo. — Mày phải giữ kín tao mới nói. Bố đi ăn cướp.

— Nói bậy! — Tôi giờ nắm đấm dọa chị.

— Thật đấy. Chúng nó bảo dân làng rủ nhau đi ăn cướp thóc trên kho của Tây của Nhật mà. Không thì chết đói.

Tôi chưa tin nhưng chẳng biết gì hơn để nói lại. Mẹ tôi vào, hai đứa im bật. Đêm hôm đó, ba mẹ con ngủ chung giường. Mờ sáng tôi tỉnh giấc thấy mẹ tôi ngồi ở cuối giường lặng lẽ gục đầu xuống hai cánh tay khoanh đặt trên đầu gối. Có lẽ mẹ tôi ngồi như vậy suốt đêm qua.

NHỮNG NGÀY ĐÓI RÉT

Tháng ba, trời vẫn rét. Mây u ám rách mướp sà xuống thấp in màu xám vào những cặp mắt thao láo của lũ trẻ đói khát. Đây là năm Ất Dậu khó quên. Đói, bơn ai hết, lũ trẻ chúng tôi cảm thấy cái đói giày vò khổ sở. Người ta bảo là do bọn Nhật thu hết thóc và bắt dân phá lúa trồng đay. Tuy không có thắng Nhật nào mò về làng tôi, nhưng mọi người đều khát chuyện

về chúng, và cái đói đã tràn lan vào mọi nhà, mọi ngõ ngách. Đi trong làng không còn được ngửi mùi thơm quen thuộc của thức ăn từ các nhà bếp bay ra. Người ta không dọn cơm ra sân nữa, mà ăn giấm giúi trong bếp. Làng xóm cứ quang dần, từ trái cây, lá rau đến con lợn con gà. Người lớn lừ đừ ủ dột, còn lũ trẻ chúng tôi chân dài ngoẵng, bụng lép dần và đôi mắt càng ngày càng trở ra dưới mái tóc bồm xồm như tổ quạ. Mỗi bữa mẹ và chị nhường cho tôi sét bát cơm, còn thì ăn rau má và củ chuối hoặc cháo cám nấu sền sệt ăn ngấy đến tận mũi. Thỉnh thoảng tôi nằm thẳng cẳng phò bộ xương sườn và thở ra làm cho cái bụng đã lép càng lép kẹp. Mẹ tôi mắng:

— Thôi đừng làm cái trò xót ruột nát gan ấy nữa, khô lắm.

Chúng tôi sục sạo khắp các ngõ ngách vườn tược trong làng, gì mũi vào mọi xó xỉnh để moi ra những thứ gì có thể ăn được. Bới trộm những mầm khoai, bằng đầu ngón tay, phủi đất dút vào mồm nhai ngon lành. Những cái dái mít chát dút nút lấy cở, ăn xong môi răng chúng tôi dính nhựa đen sì. Trẻ con nhà có khoai, có mít ra đuổi, chúng tôi lại đánh nhau. Có lúc chúng xuyt chó, nhưng những con chó đói gầy gơ xương, sủa được vài tiếng thì lạc giọng chẳng làm chúng tôi sợ. Chỉ có lũ chó của một vài nhà giàu vẫn to béo như những con bê. Nhưng chúng tôi không dại gì mò tới đấy. Lũ chó kia có thể ngoạm chúng tôi như ngoạm một con chuột.

Chúng tôi cứ chạy rông khắp làng như lũ chó vắng chủ. Lúc nào không kiếm được gì ăn lại kéo nhau đến nhà ông Bụng. Người lớn gọi ông là tay « bọm già » còn chúng tôi vừa sợ vừa thích ông ấy. Đêm ông đi ăn trộm, còn ban ngày thì uống rượu. Ông sống một mình trong túp lều trống tuếch trống toàng ở ngoài rìa làng. Chúng

tôi đến để nghe ông kể chuyện. Ông biết nhiều chuyện lạ, và cách kể chuyện của ông rất thích thú. Chúng tôi thường đem tới cho ông vài quả đi xanh hoặc dái mít để ông nhắm rượu. Có hôm không có gì nhắm, ông vừa tợp rượu vừa mút một cái đinh gỉ. Chúng tôi lấy làm lạ, ông Bụng nheo cặp mắt đỏ nhìn chúng tôi có vẻ dọa nạt, nhưng sau đó ông cười phá lên:

—Ồ, nó có cái chất tanh, đỡ nhạt miệng. Chúng mày muốn nghe chuyện gì?

Chuyện gì ư? Những ngày này chúng tôi chỉ muốn được nghe chuyện gì có thể quên được cái đói đang gào réo trong dạ dày. Chúng tôi vừa thích thú vừa lo ngại khi ông Bụng kể quanh quẩn lại quay về chuyện những món ăn. Lũ trẻ nhìn nhau lấm lét cúi mặt xuống xấu hổ nuốt nước miếng ứa ra trong mồm. Ông Bụng thường ngừng lại đột ngột nhìn chúng tôi bằng cặp mắt thương hại buồn rầu:

— Khốn khổ cho chúng mày, khốn khổ cả lũ.

Lúc này trông ông hết sức hiền lành, tôi chợt nghi ngờ về tất cả những chuyện ghé gôm ly kỳ mà người ta đồn đại về ông, về cái nghề ăn trộm có tiếng của ông. Tôi nhìn những quả bầu khô treo lủng lẳng trên vách, mà tôi tưởng là ông dùng đựng rượu. Một lần ông nói:

— Rượu đếch đâu mà đựng lấm thế. Đây là những cái «đầu» của tao.

Những cái «đầu giả» ông đùn vào trước qua lỗ vách để dò xem chủ nhà có biết không, rồi ông mới chui vào. Nhiều lần chủ nhà đã chém dao hoặc xọc răng bừa vào những quả bầu khô. Ông Bụng không muốn kể tỉ mỉ cho chúng tôi nghe về những chuyện bí mật ấy. Chúng tôi gạn hỏi, ông thường cau giận mắt đỏ ngầu:

— Tao đi ăn trộm của những đứa ăn cướp của người khác về làm giàu. Đứa nào dám bảo tao là xấu. Nhưng tao hèn. Đáng lẽ tao phải đường hoàng đến trước mặt



— Đây là những cái dầu của tao...

chúng nó, đập chết chúng nó như đập con chó, rồi gọi người đến lấy của ra chia nhau. Tao không dám làm. Lớn lên, chúng mày đừng hận như tao.

Thỉnh thoảng ông Bung hỏi riêng tôi về bố tôi, với giọng nói thân mật. Tôi không hiểu mối quan hệ ấy, nhưng trong thâm tâm tôi không thích. Có lần, ông Bung nói:

— Tao quý bố mày. Bố mày đi con đường khác không giống tao đâu. Mày đừng sợ tao biết những chuyện ấy. Lớn lên, mày sẽ hiểu.

Có lẽ vì thế mà tôi hay đến nhà ông Bung.

Còn một nơi nữa mà chúng tôi hay mò đến là đền Phúc. Đây là cái miếu nhỏ ở giữa một khu vườn hoang. Khu vườn đầy những cây ké và cây cứt lợn. Trước kia đầy phân chó phân gà, nhưng dạo này không có nữa, thỉnh thoảng có xác vài con chuột đói cắn chết nhau vì tranh mồi. Chúng tôi hay đến đây vì dân làng đôi khi đem lễ ra cúng ở đền, chúng tôi có thể khua khoảng vài thứ gì ăn được. Một buổi chiều, chúng tôi lần tới. Đến gần miếu, tối om om, chúng tôi thấy một đàn nhặng bay vù lên. Một đứa kêu thích thú:

— Có xối thịt hay sao mà có ruồi nhặng bay ơi!

Chúng tôi tranh nhau chạy vào. Bỗng một đứa từ trong miếu lao ra, mặt tái xanh cứ thế đâm đầu chạy không nói một tiếng nào.

— Cái gì thế? Thằng nhát gan!

Mấy đứa chúng tôi bước thêm mấy bước, tỏ ra can đảm. Ở thềm miếu, trong bóng chiều u ám, một xác người chết đói đen sì nằm còng queo, tay còn dút vào miệng một quả chuối xanh. Lũ nhặng vẫn vo ve trên đầu. Thằng Thức, đứa lớn nhất trong lũ chúng tôi nói:

— Chúng mày đứng ngoài này để tao vào.

Nó nhón chân bước qua xác người vào trong miếu. Tôi nhìn thấy đôi chân khẳng khiu bần thiêu của nó hơi

run. Nó vươn tay khoảng trên cái bàn thờ tối om có một nén hương lẻ loi cháy đỏ. Lát sau thẳng Thức quay ra, tay nó cầm một túm ba bốn quả chuối xanh. Chúng tôi đi theo nó như quân lính đi theo một ông tướng thẳng trận. Nó bẻ chuối chia cho chúng tôi, và chúng tôi nhai những mẩu chuối ngon lành.

*

Trong những ngày đói khát này, cũng có một chuyện đáng kể. Hàng năm, chừng vài lần có người đi xe đạp về làng tôi. Người thứ nhất là ông thợ chụp ảnh ở trên tỉnh. Ông người to cao, đội cái mũ lợp vải trắng sâu như cái đầu đong thóc thối, mặc áo cộc tay cùng cái quần « soóc » bằng vải ka ki màu vàng. Về làng tôi, phải qua đò lội bãi, nên ông thường cởi đôi giày da treo trên ghi đong xe đạp.

Ông về sân đình, đặt cái máy ảnh có ba chân cao lều đều, phủ một tấm vải đen trùm lên trên trông như người cụt đầu, rồi ông nói thao thao pha trò đủ mọi chuyện trên trời dưới biển. Người ta bảo nghe lão ấy nói thì rần ở trong lỗ cũng phải bò ra. Chúng tôi chưa bao giờ thấy rần bò ra chụp ảnh, nhưng người làng, nhất là các ông già thì ai cũng muốn chụp hình. Các cụ khăn áo chỉnh tề hai tay xòe đủ năm ngón đặt trên đầu gối ngồi im như pho tượng trước máy ảnh. Ông thợ ảnh có vẻ dễ tính. Người làng giả bằng tiền hoặc bằng thóc. Chưa có thì ông cho chịu đến mùa. Có thể nói là thẳng Thức quen ông thợ ảnh ấy. Không phải vì nó là khách hàng của ông, mà vì nó biết đánh cờ tướng. Những lúc chờ khách hàng, ông thợ ảnh bày bàn cờ ra mời thẳng Thức chơi. Lũ chúng tôi vây quanh xem như đám hội. Thẳng

Thức chơi không đến nổi tời. Có lần, nó vượt người thợ xe xuống chiếu tương. Ông thợ ảnh thua đến nơi, cười lớn:

— Cu của mày ăn mất tương rồi kia.

Ấy là vì bọn trẻ con làng tôi đến mười, mười một tuổi vẫn cỡi trường. Mỗi lần thắng Thức thắng cờ, ông thợ ảnh lại cho nó vài cái kẹo bọc giấy bóng xanh đỏ. Lũ trẻ bâu lấy nó như ruồi, thềm thường nhìn cái kẹo. Nó thường cắn nhỏ cái kẹo ra chia cho mỗi đứa một tí. Chúng tôi nhắm nháp mùi vị thơm ngon của thứ kẹo quý mà chẳng bao giờ chúng tôi có.

Người thứ hai đi xe đạp về làng là cậu kỹ Phong con cụ Cửu ở xóm Đình. Cậu kỹ là người học cao nhất làng. Cậu đỗ bằng « Ri-me » (tiểu học) và làm việc trên tỉnh, thỉnh thoảng mới về làng. Cậu kỹ với ông thợ chụp ảnh lại ăn ý với nhau. Bởi cậu làm thêm nghề vẽ truyền thần. Mỗi khi về làng, cậu đem theo hàng xấp giấy đã vẽ sẵn những hình người đủ kiểu: áo sa, áo gấm, ghê dựa, ghê bành... Những bức vẽ ấy không có đầu. Khách hàng thích kiểu nào thì chọn, rồi đưa tấm ảnh chụp cho cậu kỹ vẽ cái đầu cái mặt vào tấm hình kia. Thế là có một bức truyền thần đầy đủ, sang trọng lồng vào khung kính treo trong nhà.

Bọn trẻ chúng tôi tuy không được chụp hình và truyền thần, nhưng rất mong hai người ấy về. Đùng hơn là mong được thấy cái xe đạp và cái máy ảnh kỳ lạ. Cứ nghe một tiếng chuông kính coong từ đầu làng là chúng tôi chạy như bay. Chúng tôi chạy theo xe đạp mỗi lúc một đông. Tiếng trẻ reo, tiếng chó sủa inh ỏi suốt từ đầu làng đến cuối làng. Đứa nào mon men mà được bấm vào cái chuông xe đạp kính coong một cái thì thật sung sướng.

Năm đói này, bọn trẻ chúng tôi đợi mãi không thấy hai người đi xe đạp về. Người ta bảo năm nay đói kém,

Ông thợ ảnh có về thì cũng chẳng có khách hàng. Ông ấy có chụp ảnh người chết đói thì khỏi ra. Chúng tôi đã quen nhìn xác người chết đói, không sợ nữa. Ở chợ Chùa, ngày nào chẳng có người chết đói.

Nhưng còn cậu ký Phong thì sao? Nhà cụ Cửu có đôi trâu mà cậu cũng không về. Người ta đồn rằng cậu đã làm to, có chân trong hội, trong đảng gì đó. Vào một ngày giữa tháng tư, bỗng chúng tôi nghe tiếng chuông xe đạp, kính coong... kính coong. Chúng tôi náo nức hồi hộp, nhưng không chạy như bay được nữa. Nhiều đứa đôi vàng mắt, đôi chân như ống sậy, đến ruồi cũng không buồn xua nữa nói chi là chạy. Lũ chó cũng thế, người ta ăn thịt chúng gần hết rồi. Chúng tôi chỉ đứng đợi ở ngõ. Thoạt đầu chúng tôi không nhận ra cậu ký Phong, vì cậu ăn mặc khác hẳn. Cậu không mặc áo the, quần trắng như trước kia nữa. Trông cậu như linh khố xanh. Quần áo ka ki vàng, chân quấn xà cạp vải, lưng đeo một thanh kiếm dài. Đầu đội mũ vải có lưỡi trai mềm, mắt đeo kính. Đúng là cậu làm to rồi. Chúng tôi sợ không dám đi theo. Cái xe đạp bánh đặc của cậu này trên đường đất sống trâu như người dơi. Bất ngờ cậu ngã kênh vào bờ rào. Chúng tôi cười khúc khích. Cậu ký đứng dậy phủi quần áo, tay sờ đốc kiếm, mắt kính trợn trừng nhìn chúng tôi rồi sỏ ra một tràng mà chúng tôi không hiểu gì cả, chỉ nghe lọt mấy tiếng lạ tai « dô tô... xừ cạ » gì đó. Sau này chúng tôi mới biết cậu nói tiếng Nhật.

Cậu ký về buổi trưa thì buổi tối mẹ mỗ đi rao:

« Cốc, cốc cốc... chiềng làng chiềng chạ, sáng mai từ quan viên cho đến đình tráng phải ra đình nghe quan trên về hiểu dụ... Cốc cốc cốc ».

Đúng cậu ký Phong làm quan rồi. Sáng hôm sau, dĩ nhiên bọn trẻ chúng tôi ra đình sớm nhất. Giữa sân đình bày một cái hương án, trên đặt cái lư đồng nhưng

không đốt hương. Bước vào chân hương án là một ngọn cờ đuôi nheo có mấy người tuần đình cầm gậy đứng chung quanh. Một lúc sau, mới thấy các vị hương lý đi ra, vị nào cũng khăn đóng áo dài. Dân làng lác đác độ dăm chục người. Lũ trẻ chúng tôi đông hơn cả. Tôi đứng với thằng Thức. Nó hỏi một người tuần đình:

— Quan nào đây anh?

— Ông ký Phong.

— A, ông ký ngã bờ rào! — Thằng Thức nói to và chúng tôi cười theo.

Người tuần đình trừng mắt:

— Chúng mày muốn dứt đầu hả.

Chúng tôi nhớ đến thanh kiếm dài của cậu ký.

Lý trưởng cầm cái trống con đánh chín tiếng bung bung. Mọi người nhón nhác nhìn ra cửa đình. Tuần đình xưa chúng tôi đứng giạt ra một bên. Quan đến! Cậu ký đi trước, vẫn ăn mặc như hôm qua. Đi tiếp sau là cụ Cửu, mặc chiếc áo gấm sờn ngắn cũn trên đầu gối. Mọi người chấp tay chào. Cậu ký nhìn bên này, bên kia gật gật đầu, mắt kính loang loáng. Thằng Thức đứng bên cạnh tôi cũng gật theo. Cậu ký bước tới đứng sau hương án. Lý trưởng nói:

— Kính trình các cụ quan viên hàng chức và dân làng. Hôm nay dân ta được hân hạnh đón quan ký về nói chuyện...

Trong lúc lý trưởng nói, cụ Cửu ngược mắt lên nhìn mọi người, tay vè vè chòm râu đỏ hoe như râu ngô.

Cậu ký hắng giọng. Tay trái tì vào đốc kiếm, tay phải giơ ra phía trước. Tôi mãi nhìn cái mũi bao kiếm giạt lên giạt xuống theo nhịp nói của cậu ký nên chỉ nghe loáng thoáng. Tôi nhớ một ít:

— « Thằng Tây là loài da trắng mắt xanh đến cai trị nước ta, đây là một việc nghịch. Ngày nay, đức Thiên hoàng nước đại Nhật Bản cùng một loài máu đỏ da vàng